TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS-PT
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu

Ông Đào Chí Keo

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST, ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 275/2022/QĐXX-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966;

1.2 Bà Lý Thị Ph, sinh năm 1966.

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 05/5/2022).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Hà Văn N (Ng), sinh năm 1976;

2.2 Bà Hồ Thị R, sinh năm 1974;

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G), sinh năm 1985;

3.2 Ông Trương Văn H, sinh năm 1994;

3.3 Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1945;

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3.4 Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

(Ông Nguyễn Phước H, Trương Văn H, Hà Văn N, Nguyễn Văn Ng và bà Th có mặt; bà R và H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản án sơ thẩm, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn, Ông Nguyễn Phước H trình bày:

Ông Hà Văn N (Ng) và Bà Hồ Thị R có vay tiền của Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph, như sau:

- Ngày 11/12/2019 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, có biên nhận và chữ ký của ông Ng; Bà Trương Thị Mộng Th, Đỗ Thị H; Ông Trương Văn H.

- Ngày 22/5/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, có biên nhận và chữ ký của Ông Hà Văn N, Nguyễn Văn Ng.

Sau khi vay, Ông Hà Văn N (Ng) trả lãi được một thời gian thì ngưng và hai bên có tính số tiền nợ lãi trong thời gian qua là 74.700.000 đồng và ký biên nhận ngày 16/3/2022, gồm: Ông Hà Văn N; Bà Trương Thị Mộng Th và Đỗ Thị H.

Nay khởi kiện, yêu cầu buộc Ông Hà Văn N (Ng) và Bà Hồ Thị R cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ, bà Ph số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 16/3/2022 cho đến ngày xét xử; tiền lãi còn nợ: 74.700.000 đồng.

Yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án và cho nhận lại tiền bảo đảm.

Bị đơn, Ông Hà Văn N trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì không vay tiền, chỉ làm chứng.

Đối với biên nhận ngày 22/5/2020, khoản vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) do ông Nguyễn Văn Ng nhận tiền, ông và ông Ng ký biên nhận.

Đối với biên nhận ngày 11/12/2019, khoản vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là khoản vay của Bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) và Trương Văn H.

Đối với biên nhận ngày 16/3/2022 do bà Thuý nợ tiền lãi.

Ông không đồng ý việc ông Đ, bà Ph kiện vợ ông (Hồ Thị R).

Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: không có ý kiến, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Trương Thị Mộng Th và Ông Trương Văn H:

Khoảng năm 2018 ông bà có vay của Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền này ông H trực tiếp nhận và ký tên vào biên nhận vào thời điểm đó.

Đến năm 2019, ông bà vay thêm số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), biên nhận ngày 11/12/2019, tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, có chữ ký dấu lăn tay của bà, Đỗ Thị H và Ông Hà Văn N.

Việc đóng lãi, bà nhờ bà H trả hàng tháng cho ông Đ, bà Ph. Đến tháng 9/2021 do dịch bệnh nên ngưng đóng lãi.

Sau đó, bà với bà Ph tính số tiền lãi còn nợ trong thời gian qua là 74.700.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng), biên nhận ngày 16/3/2022 có chữ ký của Ông Hà Văn N, Bà Đỗ Thị H.

Nay, bà và ông H đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 11/12/2019, trả dần 3.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ.

Đối với số tiền lãi còn nợ 74.700.000 đồng (bảy mươi bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng) theo biên nhận ngày 16/3/2022, yêu cầu Toà án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật đối với vốn vay 300.000.000 đồng, tính từ tháng 9/2021 cho đến ngày xét xử.

Ông Nguyễn Văn Ng trình bày:

Ngày 20/5/2020, ông vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) của Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph, có làm biên nhận, ông và Ông Hà Văn N ký.

Sau khi vay, ông đóng lãi cho bà Ph đầy đủ 3%/tháng, số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho đến tháng 3/2022 thì ngưng.

Nay, đồng ý chịu trách nhiệm trả vốn vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo biên nhận ngày 20/5/2020 và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ tháng 3/2022 cho đến ngày xét xử. Về thời gian trả nợ thì ông xin trả vào tháng 9/2022.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Về số tiền nợ là của Mộng Th và H, bà không biết và không có khả năng trả nợ gì cho bà Ph. Do bệnh tim và sức khoẻ yếu, bà xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST, ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph.

Buộc Ông Hà Văn N (Ng) có nghĩa vụ trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền 614.908.000 đồng (sáu trăm mười bốn triệu, chín trăm lẻ tám ngàn đồng), trong đó vốn: 500.000.000 đồng, lãi: 114.908.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-BPKCTT ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản của người có nghĩa vụ.

Huỷ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2022/QĐ-BPBĐ ngày 05/5/2022 và hoàn trả cho ông Đ, bà Ph số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) mà Ông Nguyễn Phước H đại diện cho nguyên đơn đã nộp vào sổ tiết kiệm số AD 00015658696 của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Châu Phú, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, về áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, Ông Hà Văn N, Nguyễn Văn Ng, Trương Văn Tuấn Tuấn; bà Đỗ Thị Hương và Trương Thị Mộng Th làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và xác định trách nhiệm trả nợ thuộc về những người liên quan, Ông Hà Văn N không chịu trách nhiệm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện cho nguyên đơn, Ông Nguyễn Phước H, đồng ý thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, buộc những người ký tên vào các biên nhận ngày 11/12/2019, 22/5/2020 và ngày 16/3/2022 phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng, tiền lãi 114.908.000 đồng.

Bị đơn, Ông Hà Văn N cho rằng chỉ là người làm chứng, không chịu trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Ng xác định ông là người vay trong biên nhận ngày 22/5/2020, số tiền 200.000.000 đồng và xin hẹn đến tháng 06/2023 sẽ trả;

Ông Trương Văn H và bà Trương Thị Mộng Th xác định là người vay trong biên nhận ngày 11/12/2019, số tiền 300.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật cho đến khi dứt nợ;

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo đúng quy định pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86, Điều 234, Điều 273 và Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Bị đơn, Ông Hà Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trương Thị Mộng Th, Đỗ Thị H; ông Nguyễn Văn Ng, Trương Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Thấy rằng, các biên nhận nợ ngày 11/12/2019, 22/5/2020 và ngày 16/3/2022 Ông Hà Văn N đều ký tên với tư cách là người vay, không có Bà Hồ Thị R (vợ ông) ký nên cấp sơ thẩm không buộc bà cùng trả nợ là có căn cứ, không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên về phần này, án sơ thẩm có hiệu lực.

Về tiền lãi, biên nhận ngày 13/6/2022 thể hiện nợ tiền lãi cao nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận là bất lợi cho bị đơn, Ông Hà Văn N kháng cáo là có căn cứ.

Về trách nhiệm liên đới, nguyên đơn chỉ khởi kiện Ông Hà Văn N và Bà Hồ Thị R, không yêu cầu bà Th, H; ông T và Nguyễn Văn Ng cùng trả nợ. Do đó, kháng cáo của những người này không có cơ sở xem xét.

Bà Đỗ Thị H kháng cáo, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th; ông T và Nguyễn Văn Ng; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Hà Văn N, sửa bản án sơ thẩm số 175/2022/DS-ST, ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Luật sư, các đương sự và của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về hình thức, đơn kháng cáo của bi đơn, người liên quan trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Đỗ Thị H kháng cáo nhưng vắng mặt, xem như từ bỏ quyền kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà.

Đương sự vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph khởi kiện vợ chồng Ông Hà Văn N và Bà Hồ Thị R yêu cầu phải trả số tiền vay 500.000.000đ và tiền lãi. Chứng cứ là các Biên nhận ngày 11/12/2019, ngày 22/5/2020 và 16/3/2022.

[4.2] Ông Hà Văn N cho rằng, ông chỉ là người làm chứng, không liên quan gì đến số tiền nợ do nguyên đơn khởi kiện. Trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn thuộc về ông Nguyễn Văn Ng, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th và Đỗ Thị H.

[4.3] Những người liên quan gồm: ông Nguyễn Văn Ng, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th và Đỗ Thị H xác định số tiền trên do họ vay và hàng tháng trả lại cho nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự thấy rằng:

[5.1] Số tiền vay 300.000.000 đồng, theo biên nhận nợ ngày 11/12/2019, tại vị trí người nhận nợ, có chữ ký của bà Trương Thị Mộng Th (Trương Thị Ngọc G), Đỗ Thị H và Ông Hà Văn N.

Tại phiên tòa, bà Th và Ông Trương Văn H xác định số tiền trên ông, bà vay và Ông Hà Văn N là người giới thiệu.

[5.2] Số tiền vay 200.000.000 đồng, theo biên nhận nợ ngày 22/5/2020, tại vị trí người vay tiền ký, có chữ ký của Ông Hà Văn N và Nguyễn Văn Ng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Ng xác định số tiền trên ông và Ông Hà Văn N là người giới thiệu.

[5.3] Người đại diện cho nguyên đơn và nguyên đơn đồng ý cho các đương sự gồm: bà Trương Thị Mộng Th (Trương Thị Ngọc G), Đỗ Thị H; Ông Trương Văn H, Nguyễn Văn Ng và Hà Văn N chịu trách nhiệm trả số tiền vốn gốc và tiền lãi như án sơ thẩm xử là phù hợp với các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp.

Tuy nhiên, án sơ thẩm lại nhận định, bị đơn Ông Hà Văn N và những người liên quan gồm: bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G), Đỗ Thị H; Ông Trương Văn H, Nguyễn Văn Ng vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ nhưng nguyên đơn không yêu cầu nên không buộc nghĩa vụ liên đới của họ nhưng Ông Hà Văn N có quyền yêu cầu những người này phải liên đới nghĩa vụ trả lại tiền (quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật dân sự 2015) và khởi kiện thành vụ án khác là không chính xác, không thể thi hành án được (Tòa án không buộc nghĩa vụ liên đới).

Ngoài ra, về lãi suất 3%/tháng là cao nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận là bất lợi cho bị đơn, Ông Hà Văn N kháng cáo là có căn cứ.

Cách tính như sau:

- Biên nhận ngày 11/12/2019, số tiền 300.000.000 đồng, trả lãi 3%/tháng (từ ngày 11/12/2019 đến ngày 16/3/2022 là 27 tháng 05 ngày) số tiền 244.500.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 16/3/2022 Ông Hà Văn N, bà Trương Thị Mộng Th và Đỗ Thị H ký biên nhận nợ tiền lãi chưa trả cho nguyên đơn, số tiền 74.700.000 đồng, tương ứng với nợ 8 tháng 9 ngày (300.000.000 đồng x 3%/tháng x 8 tháng 9 ngày). Như vậy, tiền lãi thực tế đã trả của biên nhận ngày 11/12/2019 là 18 tháng 26 ngày (từ ngày 11/12/2019 đến 07/7/2021) số tiền đã trả lãi cao là 169.800.000 đồng.

Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 93.956.000 đồng (300.000.000 đồng x 1.66%/tháng). Khấu trừ tiền lãi cao và lãi theo pháp luật còn chênh lệch 75.844.000 đồng được trừ vào vốn vay (300.000.000 đồng – 75.844.000 đồng = 224.156.000 đồng)

Tiếp tục tính lãi từ ngày 08/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/8/2022 là 13 tháng 02 ngày (224.156.000 đồng x 1.66%/tháng x 13 tháng 02 ngày = 48.620.000 đồng). Vốn và lãi 224.156.000 đồng + 48.620.000 đồng = 272.776.000 đồng.

- Biên nhận ngày 22/5/2020, số tiền 200.000.000 đồng, trả lãi 3%/tháng (từ ngày 22/5/2020 đến ngày 16/3/2022 là 21 tháng 24 ngày) số tiền 130.800.000 đồng.

Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 72.333.000 đồng (200.000.000 đồng x 1.66%/tháng). Khấu trừ tiền lãi cao và lãi theo pháp luật còn chênh lệch 58.467.000 đồng được trừ vào vốn vay (200.000.000 đồng – 58.467.000 đồng = 141.533.000 đồng)

Tiếp tục tính lãi từ ngày 14/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/8/2022 là 04 tháng 25 ngày (141.533.000 đồng x 1.66%/tháng x 04 tháng 25 ngày = 11.276.000 đồng). Vốn và lãi 141.533.000 đồng + 11.276.000 đồng = 152.809.000 đồng.

[5.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của Ông Hà Văn N. Sửa bản án sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân nhân dân huyện Châu Phú.

Cụ thể, buộc Ông Hà Văn N, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) và Đỗ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền vốn, lãi theo biên nhận ngày 22/5/2020 là 272.776.000 đồng;

Buộc Ông Hà Văn N và ông Nguyễn Văn Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền vốn và lãi theo biên nhận ngày 11/12/2019 là 152.809.000 đồng;

[6] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm về lãi suất là phù hợp, nhưng không đề nghị buộc nghĩa

vụ liên đới là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn, bị điều chỉnh phần tiền lãi, trừ vào vốn gốc, nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí;

- Ông Hà Văn N, Nguyễn Văn Ng, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ liên đới.

- Bà Đỗ Thị H thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, Ông Hà Văn N không phải chịu và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Ông Nguyễn Văn Ng, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 288, Điều 291, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của Ông Hà Văn N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2022/DS-ST ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn Đ và Bà Lý Thị Ph.

1.1 Buộc Ông Hà Văn N, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) và Đỗ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền vốn, lãi là 272.776.000 đồng (hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

1.2 Buộc Ông Hà Văn N và ông Nguyễn Văn Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền vốn và lãi là 152.809.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu tám trăm lẽ tám ngàn đồng).

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú phong toả tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Huỷ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 05/2022/QĐ-BPBĐ, ngày 05/5/2022 và hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) do Ông Nguyễn Phước H đại diện nộp vào sổ tiết kiệm số AD 00015658696 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Châu Phú, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Hà Văn N, Trương Văn H; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) và Đỗ Thị H phải liên đới chịu 13.639.000 đồng;

4.2 Ông Hà Văn N và Nguyễn Văn Ng phải liên đới chịu 7.640.000 đồng;

4.3. Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Lý Thị Ph không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 13.494.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003706, ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú và do Ông Nguyễn Phước H đại diện nhận.

5. Án phí phúc thẩm:

5.1 Ông Hà Văn N, Trương Văn H và Nguyễn Văn Ng; bà Trương Thị Mộng Th (Ngọc G) không phải chịu và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng, theo các biên lai số 0000394 ngày 13/9/2022; số 0000395 ngày 14/9/2022; số 0000393 ngày 13/9/2022 và số 0000396 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5.2 Bà Đỗ Thị H là người cao tuổi, được miễn án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0000397 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

Trương Văn Hai